**ĐỀ 1:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại một chuyến đi | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ  - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: số tiếng, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được các biện pháp tu từ.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được giá trị nội dung của văn bản  - Hiểu được giá trị nghệ thuật của văn bản  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.  - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật được thể hiện trong văn bản  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Biết trân quý giá trị văn hoá, văn học truyền thống | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một chuyến đi. | **Nhận biết:**  **-** Xác định kiểu bài: kể chuyện. (Kể lại một chuyến đi)  - Xác định được cấu trúc, bố cục của bài văn kể chuyện về một chuyến đi.  - Xác định chính xác, dẫn dắt tự nhiên câu chuyện kể về một chuyến đi.  - Nêu cảm nghĩ khái quát về câu chuyện.  **Thông hiểu:** Viết bài kể chuyện đảm bảo các yếu tố cơ bản: giới thiệu sự việc, nhân vật, kể đầy đủ trình tự các sự việc theo một trình tự hợp lí.  **Vận dụng:** Viết được bài văn kể chuyến đi. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian.  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong dùng từ, diễn đạt, chi tiết, lời kể chuyện.... Qua câu chuyện rút ra được bài học cuộc sống. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**  **Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu:**  *Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*  *Mặc manh áo ngắn giục trâu cày*  *Nàng dâu sớm đã gieo dưa đó*  *Bà lão chiều còn xới đậu đây*  *Mía cạnh giậu tre đang nảy ngọn*  *Khoai trong đám cỏ đã xanh cây*  *Điền viên nghĩ thật nguồn vui thú*  *Dẫu chẳng “hành môn” đói cũng khuây.*  *(Chiều xuân ở thôn Trừng Mại* ***-*** *Nguyễn Bảo)*  **Câu 1**. Bài thơ trên viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Ngũ ngôn  C. Thất ngôn bát cú D. Song thất lục bát  **Câu 2**. Hai câu thơ đầu của bài thơ gieo vần nào?  A. Vần chân, vần liền B. Vần lưng, vần liền  C.Vân chân, vần cách D. Vần lưng, vần cách  **Câu 3**. Bài thơ có thể chia bố cục theo thứ tự nào?  A. Đề, thực, luận, kết B. Luận, kết, đề, thực  C. Đề, luận, kết, thực D. Thực, luận, đề, kết  **Câu 4**. Câu thơ sau sử dụng biện pháp tu từ nào?  *Phân phất mưa phùn xâm xẩm bay*  A. Nhân hoá B. So sánh  C. Đảo ngữ D. Điệp ngữ  **Câu 5**. Theo em, việc sử dụng các biện pháp tu từ trong câu thơ (trong câu hỏi 3) có tác dụng gì?  A. Gợi bức tranh mùa xuân thôn dã thật bình dị với mưa xuân hoà vào không khí thật nhẹ nhàng  B. Gợi trạng thái mưa đầu xuân.  C. Gợi bức tranh lao động đầu xuân.  D. Đầu xuân có mưa phùn khiến cây cối đâm chồi nảy lộc.  **Câu 6.** Em hiểu thế nào là *“thú điền viên”*?  A. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn, thường để chỉ những vị quan lui về ở ẩn.  B. Thú vui nơi thôn dã, ruộng vườn của các nho gia.  C. Thú vui ở ẩn của các vị quan sau khi thôi chốn quan trường.  D. Thú vui ở ẩn của các vị vua sau khi nhường ngôi.  **Câu 7**. Theo em, đâu là nội dung chính của bài thơ?  A. Thể hiện tình yêu với những vần thơ giản dị, chân chất.  B. Thể hiện tình cảm dành dành cho cảnh quê.  C. Thể hiện tình yêu quê hương, đất nước; yêu cuộc sống, con người của tác giả.  D. Thể hiện vẻ đẹp của bức tranh lao động bình dị trong một gia đình dân cày.  **Câu 8**. Tình cảm, cảm xúc tác giả gửi gắm trong bài thơ là gì?  A. Thương người dân cày vất vả, lam lũ.  B. Nhớ cảnh mưa phùn của quê hương tác giả.  C. Nhớ cảnh điền viên khi ở quê nhà.  D. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết với quê hương của tác giả.  **Câu 9**. Bức tranh quê hương được tác giả vẽ lên là bức tranh thôn dã bình dị và lồng trong đó là sự gắn kết giữa nhà thơ và người làm ruộng, là bức tranh lao động bình dị của một gia đình dân cày. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?  **Câu 10**. Từ văn bản trên hãy viết đoạn văn khoảng 5 đến 7 câu nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).  **II. VIẾT (4,0 điểm)**  Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.  **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **A.YÊU CẦU CHUNG**  - Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh để đánh giá một cách khái quát, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt hướng dẫn chấm điểm, khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.  - Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo được các yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho đủ điểm.  - Điểm bài thi là tổng điểm thành phần (có thể lẻ đến 0,25 điểm)  **B.** **YÊU CẦU CỤ THỂ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** | |  | **1** | **C** | 0,5 | | **2** | **A** | 0,5 | | **3** | **A** | 0,5 | | **4** | **C** | 0,5 | | **5** | **A** | 0,5 | | **6** | **A** | 0,5 | | **7** | **C** | 0,5 | | **8** | **D** | 0,5 | | **9** | - HS đưa ra ý kiến và lí giải hợp lí vẫn cho điểm. Gợi ý:  - Đồng ý  - Gia đình nơi thôn quê ấy tuy vất vả với *“manh áo ngắn”, “giục trâu cày”* trong thời tiết “*phân phất mưa phùn*” nhưng người đọc thấy được sự gắn kết giữa những con người trong một gia đình dân cày.  - Tác giả hòa cùng nhịp sống của người quê để cảm nhận sâu sắc hồn quê. | 0,25  0,5  0,25 | |  | **10** | - Đảm bảo bố cục đoạn văn độ dài khoảng 5 đến 7 câu.  - Viết đoạn văn nêu ý nghĩa của việc sống hòa hợp với thiên nhiên.  - Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 1 phép liên kết (Gạch chân dưới từ ngữ thể hiện phép liên kết).Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25  0,5  0,25 | | **II** |  | **VIẾT** | **4,0** | |  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự*  - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. | 0,25 | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể lại một chuyến đi của em với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen. | 0,25 | | HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **Mở bài:** Giới thiệu về chuyến đi của bản thân với người bạn thân hoặc người bạn em mới quen.  **Thân bài:**  - Giới thiệu chung về chuyến đi đó.  - Kể lại chuyến đi của bản thân theo một trình tự hợp lí:  + Chuyến đi đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em?  + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một chuyến đi khó quên?  + Em đã làm gì trong chuyến đi đó?  + Chuyến đi đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào?  + Em có những suy nghĩ gì sau chuyến đi đó xảy ra?  **Kết bài:** Nêu những ý nghĩa của chuyến đi đó đối với bản thân em (quan trọng, khó quên) | 0,25  2,5  0,25 | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 | | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, có cảm xúc, sáng tạo. | 0,25 | |

**ĐỀ 2:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt chính  - Nhận biết được nội dung văn bản nghị luận.  - Nhận biết được các biện pháp tu từ.  - Nhận biết được ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường.  - Nhận biết được những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tác hại của ô nhiễm môi trường, sự tác động của con người đối với môi trường sống.  - Trình bày được nội dung của văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được quan điểm đồng tình với tác giả về vấn đề trong văn bản và lí giải được lí do đồng tình.  Trình bày được những việc có thể làmđể làm cho trái đất ngày càng tốt đẹp hơn. | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận văn học – phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung/nghệ thuật của tác phẩm văn học  - Sắp xếp đúng bố cục của bài văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  **-** Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học.  - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề  **Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.  - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt, sáng tạo khi lập luận.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi sau:**

*Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động tới mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này. Những sinh vật có sức chống trả càng yếu, sẽ càng sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề. Rồi loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi. Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay. Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn.*

(*Theo Hoàng Thảo – Lời giới thiệu, Sống xanh không khó - Nam Kha, NXB Dân trí, 2020)*

**Câu 1:** Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

A. Miêu tả. B. Biểu cảm. C. Nghị luận. D. Tự sự.

**Câu 2:** Theo tác giả,biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang gây ra tác động như thế nào?

A.Tới mọi mặt của đời sống con người.

B. Tới mọi mặt của thú rừng.

C. Tới mọi mặt của con người và cây cối.

D. Tới mọi mặt, mọi khía cạnh của cuộc sống, của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này.

**Câu 3:**Theo tác giả, những sinh vật có sức chống trả càng yếu sẽ như thế nào trước sự biến đổikhí hậu, ô nhiễm môi trường ?

A. Dễ hoà nhập.

B.Sớm trở thành nạn nhân, và chịu ảnh hưởng càng nặng nề.

C. Không chịu ảnh hưởng từ môi trường sống.

D. Thích nghi cao với ô nhiễm môi trường.

**Câu 4:** Theo tác giả, tương lai con người sẽ như thế nào nếu chúng ta không cùng nhau tạo ra thay đổi?

A. Loài người sẽ là những nạn nhân tiếp theo.

B. Loài người không chịu sự ảnh hưởng bởi ô nhiễm môi trường.

C. Loài người thích nghi với ô nhiễm môi trường.

D. Loài người sẽ có cuộc sống tốt đẹp

**Câu 5**: Theo tác giả, thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn chúng ta phụ thuộc vào điều gì?

A. Những sinh vật có sức chống trả yếu.

B. Phụ thuộc vào chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay.

C. Phụ thuộc vào việc trồng cây, gây rừng.

D. Phụ thuộc vào việc thu gom rác.

**Câu 6:** Nội dung chính của ngữ liệu trên:

A. Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường tác động tới mọi mặt cuộc sống của tất cả mọi sinh vật trên Trái Đất này và con người phải hành động.

B. Miêu tả cuộc sống của con người trên trái đất.

C. Miêu tả cuộc sống của các loài thú trên trái đất.

D. Miêu tả cuộc sống của cỏ cây trên trái đất

**Câu 7:** câu văn: “Tôi tin rằng, nếu đã đọc đến đây, bạn sẽ trở thành đồng đội của tôi, của tác giả, của những người đang cố gắng để làm cho Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. So sánh. B. Nhân hoá. C. Ẩn dụ. D. Liệt kê.

**Câu 8:** Trái Đất này trở thành một nơi tốt đẹp hơn khi nào?

A. Các nước phát triển dồn rác thải sang các nước nghèo, nước chậm phát triển.

B. Mọi người, mọi quốc gia biết bảo vệ và giữ gìn môi trường sống.

C. Các nước giàu có và phát triển bảo vệ môi trường sống của họ.

D. Các nước nghèo, nước chậm phát triển tự bảo vệ môi trường sống của họ.

**Câu 9:** Em có đồng tình với ý kiến: Thế hệ tương lai sẽ trả giá, hay biết ơn là hệ quả của chính những gì chúng ta làm ngày hôm nay không? Vì sao?

**Câu 10:** Từ ngữ liệu phần đọc hiểu, em hãy trình bày những việc em đã và sẽ làm để góp phần bảo vệ môi trường sống, để trái đất trở nên tốt đẹp hơn?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ trào phúng mà em yêu thích?

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể trình bày theo quan điểm cá nhân, diễn giải hợp lý. Gợi ý: Đồng tình  Lý giải: Những việc làm của chúng ta ngày hôm nay sẽ gây tác động đến môi trường mà thế hệ sau chính là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ hệ quả đó. Vì vậy nếu hôm nay chúng ta cùng nhau thay đổi để có môi trường xanh thì tương lai thế hệ sau của chúng ta sẽ được sống trong một cuộc sống trong lành, Trái đất trở thành một nơi tốt đẹp hơn và ngược lại. | 1,0 |
|  | **10** | \* Bảo vệ Trái đất chính là vấn đề cấp thiết hiện nay.  \* Nêu thực trạng ô nhiễm môi trường hiện nay:  + Trái đất ngày càng nóng lên  + Không khí chứa nhiều thành phần gây hại hơn  + Nồng độ chì đã và đang tăng lên  + Ô nhiễm từ các loại xe cộ...  **\* Những việc cần làm để trái đất trở nên tốt đẹp hơn:**  + Cần có ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường  + Có lối sống hoà hợp với môi trường.  + Tiết kiệm nguồn điện, nguồn nước  + Ít sử dụng hóa chất  + Ngăn chặn chặt phá và khai thác rừng...  + Bảo vệ các loài động vật quý hiếm...  + Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp, cá nhân vi phạm.  + Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, hiểu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người...  + Tái chế rác thải, tái sử dụng giấy.  + Giảm thiểu chất thải và tác động của môi trường  \*Bài học nhận thức và hành động  + Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của vấn đề môi trường và bảo vệ môi trường.  + Hiểu rằng bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của mình, của tất cả những người quanh mình, của toàn xã hội và toàn thế giới. Khái quát lại vấn đề vừa bàn luận. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn phân tích tác phẩm gồm ba phần: Mở bài, thân bài, kết bài.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Phân tích một tác phẩm thơ mà em yêu thích.* | 0,25 |
| **1. Mở bài:**  - Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có)…  - Nêu cảm xúc chung về bài thơ.  **2. Thân bài:**  Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày thân bài theo một hệ thống ý tương đương.  - Câu thơ thứ … (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)  - Câu thơ thứ… (nêu đối tượng của tiếng cười trào phúng, phân tích biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu thơ để tạo ra tiếng cười trào phúng)  - Phân tích nội dung bài thơ (đối tượng trào phúng, lí do khiến đối tượng bị phê phán…)  - Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật (hình ảnh, biện pháp tu từ được sử dụng…)  **3. Kết bài***:*  - Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm | 3 đ |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ sinh động, có tìm tòi, phát hiện độc đáo, mới lạ.* | 0,25 |

**ĐỀ 3:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại của văn bản.  - Nhận biết được phương thức biểu đạt của văn bản.  - Nhận diện được ngôi kể trong truyện cười.  **Thông hiểu**:  - Mục đích mà nội dung truyện đề cập đến.  - Xác định được nghĩa của các yếu tố Hán Việt.  - Nội dung nghĩa hàm ẩn trong truyện  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật qua lời của người kể chuyện.  **Vận dụng:**  - Rút ra được thông điệp / bài học / lời khuyên cho bản thân và người khác từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.  **-** Thể hiện được ý kiến, thái độ của bản thân đối với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**HAI KIỂU ÁO**

*Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luồn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:*

*- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?*

*Quan lớn ngạc nhiên:*

*- Nhà ngươi biết để làm gì?*

*Người thợ may đáp:*

*- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.*

*Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:*

*- Thế thì nhà ngươi may cho ta cả hai kiểu.*

*(Theo Trường Chính - Phong Châu)*

**Câu 1 (0.5 điểm).** Truyện *“Hai kiểu áo”* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cười. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện cổ tích D. Truyện ngụ ngôn.

**Câu 2 (0.5 điểm):** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3 (0.5 điểm):** Văn bản trên sử dụng ngôi kể thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba D. Ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 4 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí.

B. Phê phán sự coi thường của người dân đối với quan.

C. Phê phán thói hư, tật xấu của quan lại .

D. Phê phán thói keo kiệt, bủn xỉn của quan.

**Câu 5 (0.5 điểm):** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“hách dịch”*?

A. Thể hiện thái độ hòa nhã, coi trọng của cấp dưới đối với cấp trên.

B. Thể hiện thái độ ưu ái, quan tâm đến của cấp trên đối với cấp dưới.

C. Thể hiện thái độ ra oai, hạch sách người khác do cậy mình có quyền thế.

D. Thể hiện thái độ nhân nhượng của cấp trên đối với cấp dưới.

**Câu 6 (0.5 điểm):** Nội dung nghĩa hàm ẩn trong câu *“… Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.”* là gì?

A. Khi gặp quan trên, ngài sẽ luồn cúi, nên vạt trước chùng lại

B. Khi gặp dân, vị quan này là người vênh váo, hách dịch nên vạt trước sẽ hớt lên.

C. Vị quan là người hai mặt, trên thì nịnh hót, dưới thì chèn ép.

D. Cả A và B

**Câu 7 (0.5 điểm):** Chi tiết người thợ may hỏi quan lớn may chiếc áo này để tiếp ai có ý nghĩa gì?

A. Có ý nịnh nọt quan để được thưởng.

B. Có ý để quan may thêm một cái áo nữa.

C. Thể hiện thái độ kính trọng đối với quan.

D. Có ý mỉa mai người quan luôn hách dịch với nhân dân và nịnh nọt quan trên. 

**Câu 8 (0.5 điểm):** Viên quan trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Tính cách hèn hạ đối với cấp trên và hách dịch đối với kẻ dưới.

B. Đối xử không công bằng với kẻ dưới.

C. Hay nịnh nọt cấp trên.

D. Khinh ghét người nghèo khổ.

**Câu 9 (1 điểm):** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1 điểm):** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT. (4,0 điểm)**

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương trong cuộc sống.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc hiểu** | 1 | A | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | D | 0,5 |
| 7 | D | 0,5 |
| 8 | A | 0,5 |
| 9 | Bài học:  - Nên có thái độ với những người quan chuyên đi đối xử tồi tệ với dân.  - Chúng ta nên có thái độ hòa nhã với tất cả mọi người chứ không nên phân biệt đối xử. | 0,5  0,5 |
| 10 | Tác giả phê phán kiểu người trong xã hội bấy giờ:  - Một số quan lại luôn tìm cách xu nịnh, luồn lách để được thăng tiến, vơ vét của cải của dân lành về làm giàu cho mình  - Thói khinh bỉ, bắt nạt, coi thường những người dân đen nghèo khổ. | 0,5  0,5 |
| **II. Viết** |  | a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| b. *Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Tình yêu thương trong cuộc sống. |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**:  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề: Tình yêu thương trong cuộc sống.  **2. Thân bài**:  **+** Nêu quan niệm về tình yêu thương?  - *Tình yêu thương* là sự quan tâm, chăm sóc, che chở, lo lắng cho nhau giữa con người với con người.  + Nêu biểu hiện của tình yêu thương trong đời sống ( HS nêu được từ 3-4 biểu hiện GV cho điểm tối đa)  - Trong gia đình ông bà cha mẹ anh chị em yêu thương đùm bọc nhau.  - Cha mẹ hi sinh, chấp nhận những khó khăn gian khổ để đổi lấy cuộc sống ấm no hạnh phúc cho con.  - Con cái biết hiếu thảo với ông bà, cha mẹ và yêu thương anh chị em.  - Ngoài xã hội: Tình yêu thương được biểu hiện ở hành động nhường chỗ trên xe bus cho cụ già, chia sẻ phần ăn sáng của mình cho em bé đang đói bụng, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, quan tâm chia sẻ với họ cả vật chất lẫn tinh thần…  **+ Phân tích ý nghĩa của tình yêu thương:**  - Tình yêu thương thể hiện phẩm chất đạo đức cần có ở mỗi chúng ta.  - Tình yêu thương sẽ khiến cho con người trở nên tốt đẹp hơn.  - Là cơ sở tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, lành mạnh giữa con người với con người.  - Thúc đẩy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng.  - Yêu thương còn tạo sức mạnh cảm hóa kì diệu đối với những người lầm đường lạc lối, mang lại niềm hạnh phúc, niềm tin để họ sống tốt đẹp hơn.  - Tình yêu thương con người còn là cơ sở để hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp khác như lòng biết ơn, dũng cảm, vị tha…Chúng ta cần có tình yêu thương còn bởi nó là truyền thống tốt đẹp của dân tộc VN...  **+ Dẫn chứng về tình yêu thương**  - Trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân ta đã biết yêu thương đùm bọc nhau để chống lại kẻ thù xâm lược, có biết bao nhiêu bà mẹ VN nuôi giấu bộ đội như con đẻ của mình, biết bao nhiêu chiến sĩ coi đồng đội của mình như anh em ruột thịt, sẵn sàng đồng cam cộng khổ, thậm chí hi sinh cả tính mạng của mình để cứu đồng đội. Và chính có tình yêu thương, đoàn kết đó mà nhân dân ta đã dành lại được độc lập, tự do.  - Ngày nay, nhân dân ta thể hiện tình yêu thương qua những hành động cụ thể như giúp đỡ nhau để xoá đói giảm nghèo, chia sẻ kinh nghiệm làm giàu, giúp nhau vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Hay mỗi khi một vùng nào trong cả nước gặp thiên tai hạn hán, lũ lụt thì nhân nhân cả nước cũng như kiều bào ở nước ngoài cùng chung tay giúp đỡ chia sẻ vật chất, động viên tinh thần để họ có thể ổn định cuộc sống.  - Nhiều phong trào nhân đạo được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng như “*Trái tim cho em*”*,* “*Lục lạc vàng*”*,* “*Vì bạn xứng đáng*”*,* “*Cặp lá yêu thương*”*,* “*Hiến máu nhân đạo*”*...*  **\* Phản biện:**  Bên cạnh những người sống có tình yêu thương thì trong XH vẫn còn những người sống vô cảm, ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, nhận vào thật nhiều nhưng không muốn cho đi, không quan tâm, giúp đỡ người khác. Hay những người thể hiện tình yêu thương mà thiếu đi sự chân thành… Những người đó cần phải lên án và phê phán.  **\* Liên hệ bản thân**  - Tiếp theo cần có ý thức rèn luyện tình yêu thương ở mọi lúc mọi nơi bằng những hành động thiết thực trong cuộc sống.  - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác lúc gặp khó khăn.  - Học tập theo những tấm gương có tình yêu thương con người.  - Sống có trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình và những người xung quanh.  - Tham gia các phong trào ủng hộ, các hoạt động từ thiện: chăm sóc người già yếu, bệnh tật, an ủi người đau thương, giúp đỡ trẻ mồ côi, đồng bào bị thiên tai, dịch bệnh...  **3. Kết bài**:  + Khẳng định vai trò của tình yêu thương.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. | 3,5  0,5  0,25  0,25  1,0  0,5  0,25  0,25  0,5 |
| d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
| e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh. |

**ĐỀ 4:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN 8 – THCS HỒNG ĐỨC**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THCS HỒNG ĐỨC**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được phương thức biểu đạt chính  - Nhận biết được nội dung văn bản nghị luận.  - Nhận biết được các biện pháp tu từ.  - Nhận biết được ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường.  - Nhận biết được những việc làm cụ thể để bảo vệ môi trường sống.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tác hại của ô nhiễm môi trường, sự tác động của con người đối với môi trường sống.  - Trình bày được nội dung của văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được quan điểm đồng tình với tác giả về vấn đề trong văn bản và lí giải được lí do đồng tình.  Trình bày được những việc có thể làmđể làm cho trái đất ngày càng tốt đẹp hơn. | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học** | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận văn học – phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được vấn đề nghị luận: Giá trị nội dung/nghệ thuật của tác phẩm văn học  - Sắp xếp đúng bố cục của bài văn nghị luận.  **Thông hiểu:**  **-** Hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học.  - Hiểu được cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận trong bài văn nghị luận văn học.  - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề  **Vận dụng:**  - Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học.  - Trình bày được quan điểm, ý kiến (tán thành) của người viết về giá trị đặc sắc của TPVH.  **Vận dụng cao:**  - Sử dụng ngôn từ linh hoạt, sáng tạo khi lập luận.  - Có sáng tạo riêng trong cách diễn đạt, lập luận làm cho lời văn hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**I. ĐỌC HIỂ****U (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**THẾ GIỚI RA SAO NẾU KHÔNG CÓ CÂY XANH?**

*Trong một năm, một cây ra lá khi trưởng thành sẽ sản sinh ra ngày càng nhiều oxi, đủ cho 10 người thở. Ai cũng biết tầm quan trọng, sự thiết yếu của oxi đối với cuộc sống của con người. Nhưng đó chỉ là yếu tố cần. Yếu tố đủ cho sự sống bao gồm nhiệt độ, khí hậu, không khí trong lành... cũng phụ thuộc lớn vào mật độ cây xanh trên thế giới. Tuy nhiên, rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi. Ước tính có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm. Nạn phá rừng xảy ra do tình trạng gia tăng dân số và nhu cầu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ngày một nhiều. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.*

*Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà không khí. Hệ thực vật trên Trái Đất đã khiến cuộc sống của chúng ta dễ chịu hơn, nhất là việc cung cấp bóng râm trong những ngày oi nóng. Có một điều không ai phủ nhận là sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất. Dù không tạo ra tuyết trong ngày nắng nóng nhưng có cây xanh là có sự khác biệt. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng 1 – 1,5°C trong thế kỉ qua, một phần nguyên nhân từ sự sụt giảm diện tích rừng trên toàn cầu.*

*Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu. Lá cây giúp điều hoà, làm mát không khí qua quá trình thoát hơi nước, giúp tăng độ ẩm trong không khí. Với mắt người, thoát hơi nước ở cây là các quá trình vô hình, nhưng theo điều tra địa chất của Mỹ một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40.000 gallon (hơn 151 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm. Quá trình này cực kì hữu ích trong việc giảm mưa bão vì nó trả lại độ ẩm cho bầu khí quyển. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây xanh thì cư dân giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh như một chiến lược tạo bóng mát cho ngày hè cũng như cản gió lạnh vào mùa đông. Cây xanh có tác dụng hấp thụ bớt lượng nhiệt phát sinh từ các hoạt động của đô thị (xe cộ, giao thông, điều hoà nhiệt độ, máy làm mát). Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự nóng dần lên của Trái Đất.*

*Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí. Nếu không có cây xanh che bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.*

*Tóm lại, không phải ngẫu nhiên những nơi sạch nhất và đáng sống nhất, trong mắt nhiều người tựa “thiên đường” lại được thiết kế để con người có thể sống hài hoà với màu xanh của cỏ cây.*

*(Theo Thu Thuỷ - songmoi.vn)*

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**: Tại sao văn bản trên được coi là văn nghị luận?

A. Vì nêu lên được thực trạng về cây xanh đang mất dần

B. Vì phân biệt được các lợi ích của cây xanh

C. Vì nêu được nguyên nhân cây xanh bị chặt phá

D. Vì nêu được ý kiến và làm sáng tỏ bởi lí lẽ và bằng chứng

**Câu 2**: Thái độ quan tâm, lo lắng của tác giả thể hiện rõ ở câu văn nào?

A. Mỗi bộ phận của cây xanh, từ rễ đến lá đều có tác động đến khí hậu.

B. Xung quanh các toà nhà, văn phòng thường trồng cây xanh.

C. Lá cây giúp che chắn các thành phần bụi bẩn, độc hại có trong không khí.

D. Thế giới ra sao nếu không có cây xanh?

**Câu 3**: Ý chính của câu kết “Tóm lại [...] màu xanh của cỏ cây” là gì?

A. Sống hài hoà với cỏ cây là tiêu chí của cuộc sống hạnh phúc.

B. Trong mắt nhiều người, cỏ cây tựa như “thiên đường”.

C. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là nơi có cỏ cây.

D. Nơi sạch nhất và đáng sống nhất là “thiên đường”.

**Câu 4**: Bằng chứng cụ thể của người viết?

A. Nếu không có cây xanh che chắn bụi và các chất ô nhiễm, con người sẽ khó thở và mắc nhiều bệnh mãn tính do không khí ô nhiễm gây ra.

B. Một cây sồi lớn có khả năng vận chuyển khoảng 40 000 gallon

(hơn 151. 000 lít) nước vào bầu khí quyển trong vòng một năm.

C. Một trong những vai trò quan trọng nhất của cây xanh là làm mát, điều hoà

không khí.

D. Nhờ khả năng điều hoà, làm mát không khí mà ở những khu vực có cây

xanh giảm thiểu được nhu cầu sử dụng năng lượng.

**Câu 5**: Tầm quan trọng của cây xanh được thể hiện qua câu văn nào?

A. Có khoảng hàng chục triệu hecta rừng biến mất mỗi năm.

B. Con người đã chặt hạ cây cối để lấy chỗ cho sự phát triển mới.

C. Sự tồn tại của cây xanh ảnh hưởng tới khí hậu Trái Đất.

D. Khí hậu Trái Đất đang dân tăng 1 - 1,5°C trong thế kỉ qua.

**Câu 6**: Câu nào sau đây chứa từ tượng hình?

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh" long lanh đa sắc

B. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

C.Trồng cây xanh được biết đến là giải pháp hữu hiệu

D. Khí hậu Trái Đất đang dần tăng trong thế kỉ qua.

**Câu 7**:

Qua câu: “Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh””, tác giả muốn khẳng định điều gì?

A. Cây cối rất quan trọng đối với việc hô hấp của con người.

B. Cây cối có vai trò to lớn, có thể thay cho lá phổi con người.

C. Cây cối có tác động to lớn đến tình hình khí hậu trên Trái Đất.

D. Cây cối làm cho lá phổi con người xanh và mát mẻ, dễ chịu.

**Câu 8**: Vấn đề chính của văn bản mà tác giả đặt ra là:

A. Cây cối luôn được ví là “lá phổi xanh”.

B. Mỗi bộ phận của cây xanh đều có tác động đến khí hậu.

C. Con người không thể sống thiếu cây xanh.

D. Rừng của chúng ta đang ngày càng mất đi.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**: Viết khoảng 2 câu văn mở đầu bằng: "Nếu không có cây xanh...” theo cách diễn dịch

**Câu 10:** Hãy viết ra 2 việc làm cụ thể mà em và mọi người có thể làm được để bảo vệ môi trường.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn phân tích bài thơ *Chiều hôm nhớ nhà* của Bà Huyện Thanh Quan

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Môn: Ngữ văn lớp 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| 1 | C | 0.5 |
| 2 | D | 0.5 |
| 3 | A | 0.5 |
| 4 | D | 0.5 |
| 5 | B | 0.5 |
| 6 | A | 0.5 |
| 7 | A | 0.5 |
| 8 | D | 0.5 |
| 9 | - HS viết tiếp ý đã cho, đủ 2 câu  - Trong 2 câu văn theo cách câu chủ đề đặt ở đầu đoạn văn | 0.5  0.5 |
| 10 | HS kể tên được 2 việc có thể làm để bảo vệ môi trường, câu trả lời có thể có các ý như sau:  -Trồng cây, trồng hoa quanh nhà, hai bên đường…  - Phân loại, xử lý rác thải … không vứt rác bừa bãi…  - Không vứt rác bừa bãi, chặt phá cây xanh…  - Sử dụng tiết kiệm giấy, vở…  - Không (hoặc hạn chế) sử dụng bao bì ni lông, đồ dùng bằng nhựa | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn:*  *phân tích về một tác phẩm thơ.* | 0.25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Đề: Phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan | 0.25 |
| *c. Yêu cầu nội dung*  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ...) nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ  - Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.  - Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú. nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ...)  - Khái quát được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ; nêu được tác động của bài thơ đối với bản thân. |  |
| 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0.5 |
|  |  | *e. Sáng tạo: có sự tinh tế, sắc sảo trong lựa chọn chi tiết và kĩ năng lập luận, phân tích dẫn chứng.* | 0.5 |

**ĐỀ 5:**

**MA TRẬN ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ bảy chữ | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | **15** | **10** | **25** | **10** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **25%** | | **35%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ bảy chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ bảy chữ như: bố cục, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Vận dụng:**  - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của để.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **25%** | **35%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**XUÂN VỀ**

*Đã thấy xuân về với gió đông,*

*Với trên màu má gái chưa chồng.*

*Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm*

*Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong.*

*Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,*

*Mưa tạnh giời quang, nắng mới hoe.*

*Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?*

*Gió về từng trận, gió bay đi…*

*Thong thả, dân gian nghỉ việc đồng,*

*Lúa thì con gái mượt như nhung*

*Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,*

*Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,*

*Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.*

*Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,*

*Tay lần tràng hạt miệng nam vô.*

*(1937 - Tuyển tập thơ Nguyễn Bính)*

**Câu 1.** Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Bốn chữ B. Năm chữ C. Sáu chữ D. Bảy chữ

**Câu 2.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 3.** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

A. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. B. Phong cách ngôn ngữ chính luận.

C. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. D. Phong cách ngôn ngữ báo chí.

**Câu 4.** Xác định nội dung chính của văn bản?

A. Bức tranh mùa xuân tươi sáng, trong lành, đầy sức sống.

B. Bức tranh mùa xuân thanh bình, yên ả.

C. Bức tranh mùa xuân buồn bã, tĩnh vắng.

D. Bức tranh mùa xuân đơn sơ, mộc mạc.

**Câu 5.** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu *“Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

A. So sánh B. Nhân hóa C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

**Câu 6.** Cảm xúc của tác giả trong câu thơ: “Lá nõn, nhành non ai tráng bạc?” là:

A. Bồi hồi, xúc động. B. Buồn thương, nuối tiếc.

C. Lưu luyến, vấn vương. D. Ngỡ ngàng, vui sướng.

**Câu 7.** Chọn câu đúng nhất về tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ:

*“Lúa thì con gái mượt như nhung”.*

A. Gợi hình, gợi cảm. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

B. Gợi hình ảnh sinh động về cây lúa.

C. Gợi cảm xúc về tình yêu đối với cây lúa.

D. Nhấn mạnh vẻ đẹp của cây lúa.

**Câu 8.** (0,5 điểm) Ý nghĩa của hình ảnh đôi mắt người thiếu nữ trong câu “Ngước mắt nhìn giời, đôi mắt trong”.

A. Vẻ đẹp đôi mắt của cô gái.

B. Sự quyến rũ, thơ mộng của cô gái.

C. Vẻ đẹp trong xanh của bầu trời.

D. Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng của cô gái.

**Câu 9** (1,0 điểm). Trình bày nét đẹp văn hóa làng quê Việt Nam qua hai câu thơ:

“Trên đường cát mịn, một đôi cô,

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.”

**Câu 10** (1,0 điểm)**.**  Anh/ Chị rút ra được thông điệp tích cực gì sau khi đọc văn bản?

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Qua bài thơ “Xuân về” của Nguyễn Bính, em thấy thêm trân trọng những nét đẹp về văn hóa của Việt Nam. Mong rằng những truyền thống này sẽ được giữ gìn và phát triển lâu dài. | 1,0 |
|  | **10** | Học sinh tự trình bày thông điệp  - Yêu thương, trân trọng… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**  Mở bài giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.  Thân bài phân tích đưa ra nguyên nhân, biện pháp… thông qua các lí lẽ và dẫn chứng…  Kết bài khẳng định lại vấn đề cần nghị luận. | 0,25 |
|  | **b. Xác định đúng yêu cầu của đề:** Viết bài văn nghị luận về hiện tượng bạo lực học đường. | 0,25 |
|  | **c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:**  **1. Mở bài**  Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường.  Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.  **2. Thân bài**  *a. Thực trạng*  - Ở trong trường học, hiện tượng các em học sinh chửi bới, lăng mạ, sỉ nhục bạn bè hiện nay khá phổ biến.  - Bên cạnh việc lăng mạ, xúc phạm người khác thì hiện tượng đánh nhau giữa học sinh cũng không phải khó gặp, thậm chí có nhiều trường hợp công an phải vào cuộc.  - Tình trạng bạo lực học đường không chỉ xảy ra giữa các bạn nam mà hiện nay còn xảy ra ở các bạn nữ.  *b. Nguyên nhân*  - Chủ quan: do ý thức của các bạn học sinh còn kém, muốn thể hiện bản thân mình hơn người nên dùng bạo lực và ngôn ngữ không đứng đắn để chứng minh.  - Khách quan: do sự quản lí còn lỏng lẻo của gia đình và nhà trường, chưa định hướng cho các em tư duy đúng đắn dẫn đến những hành động lệch lạc.  *c. Hậu quả*  - Hình thành thói hung hăng, tính cách không tốt cho người thực hiện hành vi bạo lực; gây tổn hại, ảnh hưởng về sức khỏe, về tâm lí cho người bị hành hung.  - Gây ra những hình ảnh xấu cho học sinh, nhà trường và gia đình.  - Vấn đề bạo lực học đường sau này sẽ ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhân cách của các em học sinh, khiến cho các em dễ trở thành người xấu.  *d. Giải pháp*  - Mỗi học sinh cần có nhận thức đúng đắn, sống chan hòa với mọi người, hướng đến những điều tốt đẹp, không dùng bạo lực để giải quyết vấn đề.  - Gia đình cần quan tâm đến con em của mình nhiều hơn, giáo dục về ý thức, tư duy cho các em.  - Nhà trường cần có những biện pháp nghiêm khắc để xử lí những hành vi bạo lực học đường để răn đe và không cho các em tái phạm.  **3. Kết bài**  - Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. | 0,5 |
|  |  | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo:  - Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |

**ĐỀ 6:**

**MA TRẬN ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **40** |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Vận dụng:**  - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

**Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

**THU ẨM**

*Năm gian nhà cỏ thấp le te*

*Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe*

*Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*

*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*

*Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?*

*Mắt lão không vầy cũng đỏ hoe*

*Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy*

*Độ năm ba chén đã say nhè.*

*(Nguyễn Khuyến, Tuyển tập thơ ca Việt Nam)*

**Câu 1**. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn trường thiên D. Thất ngôn xen lục ngôn

**Câu 2**. Bài thơ Uống rượu mùa thu mang những đặc điểm của thơ Thất ngôn bát cú Đường luật trên các phương diện nào?

A. Bài thơ có 8 câu, mỗi câu 7 tiếng

B. Gieo vần bằng ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8

C. Các tiếng 2 - 4 - 6 của câu 1 và 8, câu 2 và 3, câu 4 và 5, câu 6 và 7 cùng phối thanh B – T - B; hoặc T - B - T.

D. Cả A, B, C

**Câu 3**. Tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong 2 câu thực và 2 câu luận là:

A. Phép đảo ngữ có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh mùa thu;

B. Phép đối có tác dụng tô đậm vẻ đẹp của cảnh thu, nỗi lòng của thi nhân và khiến lời thơ thêm cân xứng, hài hòa.

C. Sử dụng câu hỏi tu từ với đại từ “ai” nhấn mạnh màu xanh của bầu trời

D. Biện pháp nghệ thuật nói quá “da trời ai nhuộm”, “xanh ngắt” nhấn mạnh màu xanh của bầu trời.

**Câu 4**. Những hình ảnh nào đồng thời xuất hiện xả trong bài thơ Thu ẩm và Thu điếu?

A. Ngõ, ao, khói B. Nhà, ao, trăng

C. Ao, trời, ngõ D. Thuyền, khói, mây

**Câu 5.** Tâm trạng của nhà thơ được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh nào?

A. Hình ảnh “đôi mắt” B. Hình ảnh “đêm sâu”

C. Hình ảnh “khói nhạt” D. Hình ảnh “rượu”.

**Câu 6**. Qua sự miêu tả của Nguyễn Khuyến, hình ảnh làng quê trong Thu ẩm hiện lên như thế nào?

A. Kì vĩ, tráng lệ B. Thanh bình, yên ả;

C. Nghèo đói, xác xơ D. Tiêu điều, hiu hắt.

**Câu 7**. Hình ảnh đôi mắt của Nguyễn Khuyến biểu đạt điều gì?

A. Sự thờ ơ không chú tâm vào việc uống rượu

B. Nỗi buồn ngưng đọng thành nước mắt

C. Sự mệt mỏi, đau yếu của tuổi già

D. Sự tác động của men rượu.

**Câu 8.** Bút pháp nào được Nguyễn Khuyến sử dụng trong bài thơ trên?

A. Bút pháp ước lệ tượng trưng B. Bút pháp cổ điển

C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9 (1,0 điểm)**Hãy xác định biện pháp tu từ trong hai dòng thơ và nêu hiệu quả biểu đạt của chúng?

*Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,*

*Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.*

**Câu 10 (1,0 điểm)** Bài thơ bồi đắp tình cảm gì với quê hương của mình? Hãy trình bày trong khoảng 5-7 dòng.

**Phần II. Viết (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ Thu ẩm của Nguyễn Khuyến được nêu ra ở phần đọc hiểu.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
|  | **9** | - Biện pháp tu từ: so sánh “Làn ao lóng lánh bóng trăng loe”  - Tác dụng: thể hiện quan sát và cảm nhận của thi sĩ rất tinh tế: sương thu như màu khói nhạt phủ quanh lưng giậu. Bóng trăng soi trên mặt ao lăn tăn gợn sóng, lúc tụ lại, lúc tản ra, tạo cảm giác là bóng trăng loe. | 1,0 |
|  | **10** | - Bài thơ gợi cho người đọc nhớ đến hình ảnh quê hương, gắn với những gì bình dị nhất. Đó là những hình ảnh hết sức thân thuộc mà gần gũi. Từng câu thơ như khơi dậy cảm xúc nhớ quê hương trong tâm trí của những người con xa quê. Quê hương là nơi con người gắn bó, là điểm tựa tinh thần, là nơi nâng đỡ những bước chân đầu tiên của con người trong cuộc hành trình vạn dặm. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận văn học*  *bao gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Phân tích bài thơ Thu ẩm* | 0,25 |
|  | **1. Mở bài:**  - Nguyễn Khuyến là tác giả xuất sắc của nền văn học trung đại Việt Nam.  - Thu ẩm nằm trong chùm thơ về mùa thu của Nguyễn Khuyến và là một trong số những bài thơ thu nổi tiếng nhất của Nguyễn Khuyến  - Bài thơ là dòng cảm xúc của con người yêu đời, yêu quê hương, đất nước. Trong hình ảnh thu đó là hình ảnh đồng quê Bắc Bộ với dáng thu, hồn thu lung linh.  **2. Thân bài:**  **a. Hai câu đề**:  *Ba gian nhà có thấp le te,*  *Ngõ tối đêm sâu đóm lập loè.*  - Không giống như những tác giả khác chọn không gian sáng làm tôn lên bức tranh thu. Nguyễn Khuyến chọn mùa thu trong không gian đặc biệt là buổi đêm "ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe". Cảnh thu thì không phải là những gì tươi đẹp, sang trọng, rực rỡ. Đó là cảnh nghèo khó "ba gian nhỏ cỏ".  - Gian nhà cỏ là biểu trưng của cái nghèo, cái cực. Nhưng vào thơ Nguyễn Khuyến, cái nghèo dường như bị xóa nhòa. Từ láy "le te" gợi hình dung về mức độ thấp của cảnh vật. Bóng tối dường như bao trùm và khiến cảnh vật bị xóa nhòa.  **b. Hai câu thực:**  *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt*  *Làn áo lóng lánh bóng trăng loe.*  - Hình ảnh thơ rất độc đáo: Sương thu như màu khói phủ quanh bờ rào. Cách chọn hình ảnh rất bình dị, rất mộc mạc. Chi tiết bón trăng xuất hiện đã cho người đọc hình dung về hình ảnh mặt trăng in trên bóng nước tạo ra những gợn sóng lăn tăn khiến người nhìn có hình dung về bóng trăng loe. Âm "l" đứng đầy các từ gần nhau góp phần làm rõ hơn về bức tranh  **c. Hai câu luận:**  *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt*  *Mắt lão không vậy cũng đỏ hoe.*  - Trong câu thơ này, tác giả miêu tả hình ảnh bầu trời. Bầu trời có màu xanh và xanh ở mức tuyệt đối "xanh ngắt". Nghệ thuật nhân hóa "da trời" đã làm người đọc liên tưởng về hình ảnh thu tươi đẹp và giống như một người thiếu nữ xinh đẹp.  - Đại từ phiếm chỉ "ai" đã làm người đọc hình dung về sự huyền bí, mờ ảo trong tác phẩm.  - Đối tượng miêu tả thứ hai của tác giả là miêu tả chính bản thân mình. Đôi mắt đỏ hoe ở đây là đôi mắt chứa đầy những tâm trạng. Bởi lẽ, đôi mắt đỏ hoe chứa nhiều cảm xúc.  **d. Hai câu kết:**  *Rượu tiếng rằng hay hay chẳng mấy*  *Chỉ dăm ba chén đã say nhè.*  - Cụm từ "tiếng rằng hay hay chẳng thấy" tức là thường xuyên uống rượt hoặc được hiểu là tửu lượng cao. Và dù "chỉ dăm ba chén" nhưng ta thấy được câu chuyện ở đây không phải là uống rượu. Mà đó chỉ là một vài chén. Uống rượu không nhằm say mà uống rượu để quên đi nỗi buồn thời thế.  **\*Đánh giá về nội dung và Nghệ thuật:**  - Thể thất ngôn bát cú Đường luật  - Sáng tạo trong gieo vần và sử dụng từ ngữ  **3. Kết bài:**  - Tâm trạng u hoài của Nguyễn Khuyến thấm đượm vào cảnh vật. Nhà thơ đã làm rõ được tình thu và cảnh thu buồn bã. | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo:  - Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |

**ĐỀ 7:**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II LỚP 8:**

**Thời gian làm bài: 90 phút**

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| 1 | Đọc hiểu | - truyện | 5 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 |  | 60 |
| - Nghị luận |
| 2 | Viết | - Nghị luận thuyết minh | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng số câu** | | | **5** | **1\*** | **3** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **11** |
| **Tổng điểm** | | | **2,5** | **0.5** | **1.5** | **2.0** | **0** | **2.5** | **0** | **1.0** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **35%** | | **25%** | | **10%** | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận Dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| 1 | ĐỌC HIỂU | 1. Truyện | Nhận biết:  - Xác định được PTBĐ  Thông hiểu:  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  Vận dụng:  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về sự việc trong văn bản. | 5TN | | 3TN  1TL | | 1 TL | |  | |
| 2. Nghị luận | Nhận biết:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  Thông hiểu:  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của biện pháp tu từ.  Vận dụng:  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. |  | |  | |  | |  | |
| 2. | VIẾT | 1. Viết bài văn thuyết minh về cuốn sách | Nhận biết:  Thông hiểu:  Vận dụng:  Vận dụng cao:  Viết được bài văn minh giới thiệu một cuốn sách. |  | |  | |  | |  | |
|  |  |
| **Tổng** | |  | | | **5 TN** | | **3 TN**  **1 TL** | |  | | **1 TL\*** | |
| **Tỉ lệ %** | |  | | | **30%** | | **35%** | | **25%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | |  | | | **65%** | | | | **35%** | | | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 8**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)**

**Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

*Một gia đình nọ mới dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật!" - Cậu bé thốt lên “- Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.*

*Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ “Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi". Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.*

*(Phỏng theo “Nhìn qua khung cửa sổ”, www.goctamhon.com)*

Thực hiện các yêu cầu

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | B. Miêu tả |
| C. Biểu cảm | D. Nghị luận |

**Câu 2**: Tại sao nói lời kể trong câu chuyện ở văn bản trên là của người kể chuyện giấu mặt?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số ít. | B. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ nhất số nhiều. |
| C. Vì câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ ba. | D. Vì câu chuyện sử dụng kết hợp ngôi kể thứ nhất và thứ ba. |

**Câu 3**: Chỉ ra phó từ trong câu văn: *“Tấm vải bẩn thật!"?*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tấm vải | B. vải |
| C. bẩn | D. thật |

**Câu 4**: Chủ đề của văn bản trên là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lối sống sẻ chia, giàu tình thương yêu | B. Đức tính trung thực |
| C. Sự thay đổi cách nhìn cuộc sống theo hướng tích cực. | D. Lòng hiếu thảo |

**Câu 5**: Lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giăng tấm vải trên giàn phơi đã nhận xét: *“Tấm vải bẩn thật!"* và cho rằng “*Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”.* Nhìn cảnh ấy*,* thái độ của người mẹ như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng tình với nhận xét của con | B. Vẫn im lặng |
| C. Phản bác với nhận xét của con | D. Đứng dậy, đến giúp bà hàng xóm giặt tấm vải. |

**Câu 6**: Theo em, tại sao khi cậu bé nói với mẹ: *“Mẹ nhìn kìa! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi",* người mẹ không im lặng nữa?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Vì mẹ muốn giải đáp, giải thích để con hiểu rõ vấn đề. | B. Vì con cứ nói mãi về một sự việc. |
| C. Vì mẹ không muốn con coi thường bà hàng xóm. | D. Vì bà hàng xóm đã nghe thấy những lời bình phẩm của con. |

**Câu 7:** Qua lời đáp của người mẹ: *"Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”*, em thấy mẹ giải đáp, giải thích điều gì cho con?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Mẹ nói về công việc sáng nay mẹ làm với con. | B. Mẹ giải đáp, giải thích cho con hiểu điều cần thay đổi không phải là tấm vải hay người chủ của nó, điều cần thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé. |
| C. Mẹ cho con biết mắt con nhìn không rõ. | D. Mẹ nhắc con phải thường xuyên lau kính cửa sổ nhà mình. |

**Câu 8**: Qua những lời bình phẩm của cậu bé, em nhận thấy những tính cách nổi bật nào của nhân vật?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cậu bé là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. | B. Cậu bé biết nghĩ tới giải pháp giúp người khác thay đổi |
| C. Cậu bé có cái nhìn chủ quan, đầy định kiến | D. Cả A, B, C đều đúng |

**Câu 9**. Theo em, thái độ sống tích cực sẽ mang lại cho chúng ta điều gì?

**Câu 10**. Từ nội dung văn bản phần Đọc hiểu em rút ra được bài học gì cho mình?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Thuyết minh giới thiệu về cuốn sách mà em yêu thích

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  | **ĐỌC HIỂU** |  |
| 1 | A | 0,5 |
| 2 | C | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | B | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - Có nhiều cơ hội thành công trong cuộc sống  - Mang lại nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc cho bản thân khi thấy cuộc sống của mình có ích, có nghĩa  - Có được sự tự chủ, niềm lạc quan, sự vững vàng từ những trải nghiệm cuộc sống.  - Được quý trọng… | 1,0 |
| 10 | - Chúng ta cần rèn luyện một thái độ sống tích cực, bồi dưỡng lòng tự tin, ý thức tự chủ, luôn giữ cho mình một tâm hồn trong sáng, một niềm tin vào cuộc sống tương lai.  - Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như đừng vội vàng đánh giá, kết luận về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá của mình… | 1,0 |
|  | |  | | --- | | *a*. *Đảm bảo bố cục bài văn biểu cảm về con người gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.* | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Giới thiệu về cuốn sách mà em yêu thích.* | | **1. Mở bài**  - Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích: cuốn “Cảm ơn người lớn”.  **2. Thân bài**  \* Nguồn gốc, xuất xứ:  - Cuốn sách thứ 44 của tác giả Nguyễn Nhật Ánh  - Xuất bản ngày 17 – 11 – 2018 bởi Nhà xuất bản trẻ.  - Sách xuất bản tại Việt Nam và một vài quốc gia trên thế giới  \* Hình thức của cuốn sách:  - Sách hình chữ nhật: dài khoảng 20cm, rộng khoảng 13 cm  - Bìa sách nổi bật với màu vàng chanh xinh xắn và đầy ấn tượng.  - Dòng chữ trên cùng của bìa sách là tên tác giả “Nguyễn Nhật Ánh”.  -Tiếp theo là lời đề từ đầy thú vị của cuốn sách với cỡ chữ nhỏ hơn  - Tên sách được in với màu xanh lam dịu dàng “Cảm ơn người lớn”  - Cuối bìa sách là ảnh một bì thư màu xám vẽ các nhân vật đầy ngộ nghĩnh và tên nhà xuất bản.  - Bìa sau của sách cũng là màu vàng chanh nổi bật cùng tên truyện  - Gốc phải phía cuối in giá thành của sách cùng tem chống giả.  \* Nội dung bên trong sách  - Sách có 264 trang  - Cuốn sách được chia làm 19 chương  - Bốn câu chuyện nhỏ được tập trung kể trong cuốn sách là câu chuyện tập bay, câu chuyện tập vẽ bản đồ, câu chuyện kinh doanh, truyện tranh giúp đỡ bạn và câu chuyện viết thư cho nhau.  - Các mẩu chuyện liên kết với nhau  - Nhân vật trong truyện: cu Mùi, Tí Sún, Hải Cò, Tủn….  \* Giá trị sách mang lại:  - Đưa người đọc về với những chân trời của kí ức tuổi thơ  - Cảm nhận sâu sắc hơn về thế giới của tình yêu thương, lòng nhân ái, về những bao dung của tình bạn, tình nghĩa xóm làng, tình thân gia đình.  - Bồi đắp, nuôi dưỡng thế giới tâm hồn con người  - Là món quà tặng thân thương và đáng trân trọng  \* Sách trên thị trường:  - Nơi bán  - Giá cả  - Đánh giá của người đọc  \* Cách giữ gìn và bảo quản sách  - Không để sách bừa bãi, nhẹ nhàng, tránh quăn mép  - Bọc bìa sách  - Lau bụi  **3. Kết bài**  - Cảm nghĩ, tình cảm của em dành cho cuốn sách | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.* | | *e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, cách kể chuyện.* | |  |

**ĐỀ 8:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể về một chuyến đi | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử | **Nhận biết**:  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý.  **Vận dụng:**  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Kể về một chuyến đi | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu bài kể về chuyến đi.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn kể về một chuyến đi có trình tự hợp lí, có yếu tố tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm. trong quá trình viết có sử dụng thuyết minh các hoạt động, sự kiện.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn điểm ấn tượng để kể, có biểu cảm tốt để người đọc thấy hấp dẫn. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**PHẦN I. ĐỌC (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

*Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiễn Trần Quốc Tuấn ra bến Đông làm lễ tế cờ xuất sư. […] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:*

*- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.*

*Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:*

*- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.*

*Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.*

*Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. […] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:*

*- Bớ ba quân!*

*Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.*

*Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:*

*- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các ngươi xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! -Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.*

*- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.*

*Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: […]*

*- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.*

*(Trích**Trên sông truyền hịch, Hà Ân)*

**Câu 1.** Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt của văn bản?

A. Tự sự, biểu cảm, nghị luận B. Tự sự, nghị luận, miêu tả

C. Tự sự, miêu tả, biểu cảm D. Tự sự, thuyết minh, nghị luận

**Câu 2.** Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?

A. Trao kiếm

B. Dặn dò nhiều điều

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức

khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

**Câu 3.** Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương, quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

C. Áo choàng, quyền quản lí quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

**Câu 4.** Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả trang trọng đến tức thở?

A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.

B. Vì đây là buổi lễ vua lên ngôi.

C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.

D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử.

**Câu 5.** Sự việc vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh

B**.** Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn

**C.** Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi

chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

D. Cả A, B, C.

**Câu 6.** Em hiểu thế nào về lời hứa của Trần Quốc Tuấn với vua:Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

**A.** Trần Quốc Tuấn rất tự tin.

**B.** Trần Quốc Tuấn tự tin và thể hiện quyết tâm mang về chiến thắng để báo đáp

niềm tin tưởng của vua.

C.Trần Quốc Tuấn hứa hẹn chiến thắng quân giặc.

D.Trần Quốc Tuấn sẽ bảo vệ danh dự cho vua.

**Câu 7.** *“Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề”.* Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?

A. Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi

khi đón nhận sứ mệnh vua ban.

B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ.

C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu

D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

**Câu 8.** Có thể hiểu câu dặn dò của vua với Trần Quốc Tuấn "Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe” như thế nào?

A. Vua mong Trần Quốc Tuấn bình an trở về.

B. Vua mong Trần Quốc Tuấn biết bảo trọng thân thể vì vua, vì đất nước.

C. Vua lo lắng, yêu mến, kính trọng Trần Quốc Tuấn.

D. Cả A, B, C

**Câu 9.** Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?

**Câu 10**. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong nhiều chuyến đi tham quan, trải nghiệm của em, em hãy kể lại một chuyến đi ấn tượng nhất cho bạn bè và thầy cô được biết.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. | 1,0 |
|  | **10** | HS rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Đây là định hướng:   * Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước. * Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác. * Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài. * Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự  Mở bài nêu được nêu tên một chuyến đi có ý nghĩa mà em đã tham gia; thân bài kể lại được chi tiết về một chuyến đi hay theo một trình tự thống nhất; kết bài nêu được ý nghĩa hoặc bài học thu được sau khi tham gia chuyến đi. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng sự việc cần kể: một chuyến đi em đã tham gia  Viết bài văn kể lại một chuyến đi để lại cho em ấn tượng sâu sắc. | 0,25 |
|  | c. Triển khai nội dung bài viết thành các đoạn văn  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng nắm chắc các yêu cầu của một bài văn tự sự kể lại một chuyến đi có ý nghĩa:  **1. Mở bài:**  - Giới thiệu về một chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc  **2. Thân bài:**  - Lần lượt kể lại chuyến đi theo trình tự nhất định:  - Nêu mục đích của chuyến đi, lí do em tham gia chuyến đi đó.  - Kể về hình thức tổ chức hoạt động của chuyến đi (thành phần tham gia, thời gian, địa điểm…)  - Kể về quá trình tiến hành chuyến đi (bắt đầu, hoạt động chính, kết thúc).   * Nêu kết quả, ý nghĩa của chuyến đi, nêu cảm xúc, tâm trạng của em sau chuyến đi (về vật chất và về tinh thần)   Lưu ý: Kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận để kể lại.  **3. Kết bài:**  - Khẳng định ý nghĩa và bài học sau khi tham gia chuyến đi | 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,25 |
|  | *e. Sáng tạo:*  *- Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề thuyết minh; có cách diễn đạt mới mẻ.* | 0,25 |

**ĐỀ 9:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 8 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ  - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như: số tiếng, số câu, cách gieo vần, tạo nhịp, bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được các biện pháp tu từ.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được giá trị nội dung của văn bản  - Hiểu được giá trị nghệ thuật của văn bản  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.  - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.  - Hiểu được một số đặc trưng của thơ Đường luật được thể hiện trong văn bản  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Biết trân quý giá trị văn hoá, văn học truyền thống | 3 TN | 5 TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  **-** Xác định kiểu bài: phân tích (một bài thơ thất ngôn bát cú)  - Xác định được cấu trúc, bố cục của bài văn phân tích  - Xác định được những nội dung cơ bản, một số nét đặc sắc về nghệ thuật  - Nêu cảm nghĩ khái quát về câu chuyện.  **Thông hiểu:** Viết bài văn phân tích tác phẩm văn học đảm bảo các yếu tố cơ bản: giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ, phân tích được được những nội dung cơ bản, một số nét đặc sắc về nghệ thuật; khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ  **Vận dụng:** Viết được bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú  **Vận dụng cao:** Có sự sáng tạo trong dùng từ, diễn đạt, cảm nhận. Qua bài thơ, rút ra được ý nghĩa của bài thơ |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**  **Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi**  *Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây Một bàn cờ thế phút sa tay Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy Mất ổ bầy chim dáo dác bay Bến Nghé của tiền tan bọt nước Ðồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng? Nỡ để dân đen mắc nạn này!*  *(Chạy giặc - Nguyễn Đình Chiểu)*  **Câu 1:**Bài thơ Chạy giặc được viết theo thể thơ nào?  A. Thất ngôn tứ tuyệt B. Thất ngôn trường thiên  C. Thất ngôn D. Thất ngôn bát cú  **Câu 2:** “Tan chợ vưa nghe tiếng súng Tây,”  “Súng Tây” là chỉ tiếng súng của ai?  A. Thực dân Pháp B. Đế quốc Mĩ  C. Thực dân Anh D. Tất cả đều sai  **Câu 3:**Thời điểm khi diễn ra cuộc tàn sát của thực dân Pháp?  A. Tan học B. Tan chợ C. Tan ca D. Tất cả các đáp án trên đều sai  **Câu 4:**Trong bài thơ Chạy giăc, hình ảnh nào lần đầu tiên xuất hiện trong văn học Việt Nam?  A. Bầy chim B. Dân đen C. Tan chợ D. Súng Tây  **Câu 5:**Hai câu thơ nào sau đây trong hài Chạy giặc của Nguyễn Đình Chiểu thể hiện rõ nét nhất sự hoảng hốt, ngơ ngác, mất phương hướng của nhân dân khi giặc Pháp xâm lược?  A. Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây, / Một bàn cờ thế phút sa tay”  B. “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy, / Mất ổ đàn chim dáo dác bay”  C. “Bến Nghé của tiền tan bọt nước / Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây”  D. “Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng / Nỡ để dân đen mắc nạn này?”  **Câu 6:**Nội dung chính của các câu thơ dưới đây là gì?  Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây,  Một bàn cờ thế phút sa tay.  Bỏ nhà lũ trẻ lơ thơ chạy,  Mất ổ bầy chim dáo dác bay.  Bến Nghé của tiền tan bọt nước,  Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây  A. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược  B. Tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan  C. Cả hai đáp án trên đều đúng  D. Cả hai đáp án trên đều sai  **Câu 7:**Đáp án **không phải** nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ Chạy giặc?  A. Các biện pháp tu từ: từ láy, phép đối  B. Vận dụng sáng tạo hình ảnh, thành ngữ dân gian  C. Hình ảnh thơ gợi hình gợi cảm  D. Ngôn ngữ thơ tinh tế, giàu cảm xúc  **Câu 8:** “Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,  Mất ổ đàn chim dáo dác bay”  Hai câu thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. Đảo ngữ  **Câu 9:** Bài thơ gửi đến chúng ta thông điệp gì?  **Câu 10:** Em hãy kể một việc làm thể hiện tinh thần yêu nước  **II. VIẾT (4,0 điểm)** Viết bài văn phân tích bài thơ *“Chạy giặc”* của Nguyễn Đình Chiểu   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | | | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **Môn: NGỮ VĂN - LỚP 8** | | | |  | | |  | | | | **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | | **Điểm** | | **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | | **6,0** | |  | **1** | C | | 0,5 | | **2** | A | | 0,5 | | **3** | A | | 0,5 | | **4** | C | | 0,5 | | **5** | A | | 0,5 | | **6** | A | | 0,5 | | **7** | C | | 0,5 | | **8** | D | | 0,5 | | **9** | 1. Lời kêu gọi tha thiết lòng yêu nước trong mỗi người để hành động chống kẻ thù xâm lược.  2. Cảnh trù phú, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang.  3. Giặc đến tàn phá cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào cảnh khốn cùng.  4. Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân. | | 0,25  0,25  0,25  0,25 | |  | **10** | - HS kể một vài việc làm thể hiện tinh thần yêu nước | | 1,0 | | **II** |  | **VIẾT** | | **4,0** | |  | *a.Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học ( bài thơ Đường luật)*  - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.  Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ  - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. | | 0,25 | | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Phân tích một tác phẩm văn học | | 0,25 | | HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **1. Mở bài**  - Giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu: là một người chịu nhiều bất hạnh trong cuộc đời.  - Giới thiệu chung về hoàn cảnh ra đời bài thơ "Chạy giặc".  **2. Thân bài**  **a. Hai câu đề**  - Giặc đến:  + Thời điểm: tan chợ nơi đông đúc, thời khắc hướng về sự đoàn viên, sum họp, quây quần.  + Âm thanh: súng Tây lần đầu tiên xuất hiện trong văn học => Gợi sự tàn bạo, hủy diệt hàng loạt.  - Sự hoảng loạn, kinh hoàng của con người trước âm thanh ghê rợn, gây tàn sát trong thời điểm không ngờ tới.   Đất nước: bàn cơ thế/phút/sa tay  - Tình thế bất ngờ, thất thế, mất chủ động  - Giặc đến phá tan cuộc sống yên bình của nhân dân. Đất nước rơi vào tình trạng nguy ngập.  - Cảm xúc mở đầu bài thơ: Bàng hoàng, tuyệt vọng.  **b. Hai câu thực**  - “Bỏ nhà”, “lơ xơ chạy”, “mất ổ”, “dáo dát bay” Thể hiện sự tan nát, tán loạn, hãi hùng  - “Lũ trẻ”, “đàn chim” hai hình ảnh điển hình cho nỗi đau thương của nhân dân  - Nghệ thuật đảo ngữ nhấn mạnh: bỏ nhà, mất ổ => tạo nỗi ám ảnh bi thương về cảnh chạy giặc của dân làng  => Cảnh chạy giặc trong nỗi kinh hoàng của nhân dân  **c. Hai câu luận**  - Các địa danh nổi tiếng Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước, Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây.  - Cảnh trù phú, sầm uất, tươi đẹp, bình yên trước kia đã bị hủy diệt đến kiệt cùng, tan hoang khi giặc đến.  - Như vậy, sáu câu thơ với hình ảnh chân thực, tiêu biểu đã vẽ lại toàn cảnh quê hương khi giặc đến. Một cuộc sống an bình không còn, thay vào đó là sự tan hoang, đau thương.  **d. Hai câu kết**  - Tái hiện hiện thực: quê hương ngập tràn bóng giặc nhưng triều đình không có một biểu hiện động thái nào => Từ đó bộc lộ tâm trạng phẫn uất, thất vọng đồng thời thể hiện nỗi chờ mong khắc khoải sự xuất hiện của trang dẹp loạn để cứu nước  - Đó là lời kêu gọi tha thiết lòng yêu nước trong mỗi người để hành động chống lại kẻ thù xâm lược.  => Tấm lòng yêu nước sâu sắc của cụ đồ Chiểu.  **3. Kết luận**  -  Cảm nhận chung về giá trị tư tưởng, nội dung, nghệ thuật của bài thơ. | | 0,25  2,5  0,25 | | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,25 | | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, chặt chẽ, có cảm xúc, sáng tạo. | | 0,25 | |

**ĐỀ 10:**

**I. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I VĂN 8**

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| - Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | - Phân tích một tác phẩm văn học. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| - Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. |
| **Tổng số câu** | | | ***3*** | 1\* | ***5*** | 1\* | ***0*** | ***3\**** | ***0*** | 1\* | **11** |
| **Tổng điểm** | | | ***1.5*** | ***0.5*** | ***2.5*** | ***1.5*** | ***0*** | ***3.0*** | ***0*** | ***1.0*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | **100** |

\* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.  - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  - Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |
| **2** | **Viết** | Phân tích một tác phẩm văn học. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |
| **Tổng số câu** | | | | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **20** | **40** | **30** | **10** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**ÔN DỊCH, THUỐC LÁ**

*Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn hàng triệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã diệt trừ những dịch khủng khiếp ấy. Nhưng vào cuối thế kỉ này lại xuất hiện những ôn dịch khác.  
 Cả thế giới đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp, thì nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu đã lớn tiếng báo động: Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.  
 Ngày trước Trần Hưng Đạo căn dặn nhà vua: “Nếu giặc đánh như vũ bão thì không đáng sợ, đáng sợ là giặc gặm nhấm như tằm ăn dâu”.  
 Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu.  
 Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc, thấm vào cơ thể. Nạn nhân đầu tiên là những lông rung của những tế bào niêm mạc ở vòm họng, ở phế quản, ở nang phổi bị chất hắc ín trong khói thuốc lá làm tê liệt. Các lông mao này có chức năng quét dọn bụi bặm và các vi khuẩn theo luồng không khí tràn vào phế quản và phổi; khi các lông mao ngừng hoạt động, bụi và vi khuẩn không được đẩy ra ngoài, tích tụ lại gây ho hen và sau nhiều năm gây viêm phế quản.  
 Trong khói thuốc lá lại có chất ô-xít các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận ô xi nữa. Không lạ gì sức khoẻ của người nghiện thuốc ngày càng sút kém.  
 Thấm vào các tế bào, chất hắc ín lại thường gây ra ung thư. Ta đến bệnh viện K sẽ thấy rõ: Bác sĩ viện trưởng cho biết trên 80% ung thư vòm họng và ung thư phổi là đo thuốc lá.  
 Ta đến Viện Nghiên Cứu các bệnh tim mạch, bác sĩ viện trưởng cho biết: Chất ni-cô-tin của thuốc lá làm các động mạch co thắt lại, gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim. Có thấy một bệnh nhân bị tắc động mạch chân lên những cơn đau như thế nào, rồi phải cắt dần từng ngón chân đến cả bàn chân; có thấy những người 40 – 50 tuổi đã chết đột xuất vì nhồi máu cơ tim; có thấy những khối ung thư ghê tởm mới nhận ra tác hại ghê gớm của thuốc lá.  
 Không cần nhắc đến những việc nghiêm trọng như vậy, chỉ riêng bệnh viêm phế quản của hàng triệu người cũng đã làm mất bao nhiêu ngày công lao động và làm tổn hao sức khoẻ cộng đồng.  
 [...] Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!  
 Xin đáp lại: Hút thuốc là quyền của anh, nhưng anh không có quyền đầu độc những người ở gần anh. Anh uống rượu say mèm, anh làm anh chịu. Nhưng hút thuốc thì người gần anh cũng hít phải luồng khói độc. Điều này hàng nghìn công trình nghiên cứu đã chứng minh rất rõ.  
 Vợ con, những người làm việc cùng phòng với người người nghiện thuốc cũng bị nhiễm độc, cũng đau tim mạch, viêm phế quả, cũng bị ung thu. Anh có quyền hút, nhưng có mặt người khác, xin mời anh ra ngoài sân, ngoài hành lang mà hút.  
 Tội nghiệp thay những cái thai còn nằm trong bụng mẹ, chỉ vì có người hút thuốc ngồi cạnh mẹ mà thai bị nhiễm độc, rồi mẹ đẻ non, con sinh ra đã suy yếu. Hút thuốc cạnh một người đàn bà có thai quả là một tội ác.  
 Bố và anh hút, chú bác hút không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu...  
 [...] Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc ở các thành phố lớn nước ta ngang với tỉ lệ các thành phố Âu – Mĩ. Chỉ có khác là với thanh niên Mĩ, 1 đô la mua một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15.000 đồng mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp. Trộm một lần, quen tay. Từ điếu thuốc sang cốc bia rồi đến ma tuý, con đường phạm pháp thực ra đã mở đầu với điếu thuốc.  
 Người lớn hút thuốc trước mặt trẻ em, lấy điếu thuốc làm một cử chỉ cho biểu tượng quý trọng, chính là đã đẩy con em vào con đường phạm pháp.  
 [...] Ngày nay, đi các nước phát triển, đâu đâu cũng nổ lên chiến dịch chống thuốc lá. Người ta cấm hút thuốc ở tất cả những nơi công cộng, phạt nặng những người vi phạm (ở Bỉ, từ năm 1987, vi phạm lần thứ nhất phạt 40 đô la, tái phạt 500 đô la). Khắp nơi, những tài liệu, khẩu hiệu chống thuốc lá dần dần lấn át những quảng cáo của các hãng thuốc lá. Và nhiều nước đã cấm quảng cáo thuốc lá trên báo chí, vô tuyến truyền hình. Chỉ trong vài năm, chiến dịch chống thuốc lá này đã làm giảm hẳn số người hút, và người ta đã thấy triển vọng có thể nêu lên khẩu hiệu cho những năm cuối thế kỉ XX: “Một châu Âu không còn thuốc lá”. Nước ta khác với các nước châu Âu, đang còn trong tình trạng có nhiều bệnh tật do vi trùng, kí sinh trùng gây ra, nay lại theo đòi các nước phát triển, nhiễm thêm các bệnh do thuốc lá; sốt rét, bệnh phong, lao, ỉa chảy chưa thanh toán được, lại ôm thêm ôn dịch thuốc lá này. Nghĩ đến mà kinh! Đã đến lúc mọi người phải đứng lên chống lại, ngăn ngừa nạn ôn dịch này.*

*(*Trích *Từ thuốc lá đến ma túy - Bệnh nghiện, Nguyễn Khắc Viện)*

**Câu 1.** Dấu hiệu nào để nhận biết văn bản“Ôn dịch, thuốc lá” là một văn bản thông tin?

A. Văn bản được viết để kể lại một chuỗi các sự việc dẫn đến một kết thúc có ý nghĩa

B. Văn bản được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức phổ biến, hữu dụng trong đời sống.

C. Văn bản được viết để bộc lộ cảm xúc về đời sống hiện thực khách quan

D. Văn bản được viết để nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận.

**Câu 2.** Chất nào có trong khói thuốc lá gây những bệnh nghiêm trọng như huyết áp cao, tắc động mạch, nhồi máu cơ tim?

A. Chất ni-co-tin B. Chất co-ca-in

C. Chất ca-fe-in D. Chất pê-nê-xi-lin

**Câu 3.** Câu văn “*Chỉ có khác là một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 đồng mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp*” có sử dụng thành phần biệt lập nào?

A. Thành phần biệt lập tình thái. B. Thành phần biệt lập cảm thán.

C. Thành phần biệt lập phụ chú. D. Thành phần biệt lập gọi đáp.

**Câu 4.** Nhận định nào nói đúng nhất nội dung của văn bản “Ôn dịch, thuốc lá”?

1. Nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và gây những tổn thất to lớn cho sức khỏe và tính mạng con người

B. Nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và có những tác hại không dễ kịp thời nhận biết

C. Nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan, gây những tổn thất to lớn cho sức khỏe và tính mạng con người, gây nhiều thiệt hại về kinh tế.

D. Nạn nghiện thuốc lá rất dễ lây lan và gây những tổn thất to lớn cho sức khỏe và tính mạng con người, nó gây tác hại nhiều mặt đối với cuộc sống gia đình và xã hội

**Câu 5.** Nhận định nào sau đây nói đúng nhất ý nghĩa của từ “ôn dịch” được dùng ở nhan đề của bài?

A. Nói về một căn bệnh rất dễ lây lan B. Nói về một căn bệnh rất nguy hiềm

C. Nói về một loại động vật có hại D. Là từ dùng làm tiếng chửi rủa

**Câu 6.** Nêu vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập trong đoạn văn sau ?

“Tỉ lệ thanh thiếu niên hút thuốc lá ở các thành phố lớn nước ta ngang với tỉ lệ các thành phố Âu – Mĩ. Chỉ có khác là một thanh niên Mĩ, 1 đô la mua một bao thuốc lá là một khoản tiền nhỏ, còn đối với một thiếu niên Việt Nam, muốn có 15 000 đồng mua một bao 555 – vì đã hút là phải hút thuốc sang – chỉ có một cách là trộm cắp. Trộm một lần, quen tay. Từ điếu thuốc sang cốc bia rồi đến ma túy, con đường phạm pháp thực ra đã mở đầu với điếu thuốc”.

A. So sánh tình hình hút thuốc lá ở nước ta với các nước Âu – Mĩ

B. So sánh nguyên nhân dẫn đến nạn trộm cắp ở nước ta và nước Mĩ

C. So sánh giá thuốc lá ở Việt Nam đắt hơn ở các nước Âu – Mĩ

D. So sánh cách kiếm tiền để mua thuốc lá của thanh niên Việt Nam và nước Mĩ

**Câu 7.** Vấn đề mà tác giả muốn làm nổi bật trong câu “Hẳn rằng người hút thuốc lá không lăn đùng ra chết, không say bê bết như người uống rượu” là gì?

A. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người là không đáng kể

B. Tác hại của thuốc lá mạnh hơn tác hại của rượu

C. Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe con người chậm hơn các chất kích thích khác nhưng rất rõ ràng

D. Tác hại của thuốc lá khiến người hút thuốc lá không bị say cũng không bị chết

**Câu 8.** Đoạn “...*Có người bảo: Tôi hút, tôi bị bệnh, mặc tôi!... Bố và anh hút, chú bác hút không những đầu độc con em mà còn nêu gương xấu*” nói lên tác hại của thuốc lá về phương diện nào?

A. Tác hại của thuốc lá về phương diện kinh tế

B. Tác hại của thuốc lá về phương diện xã hội

C. Tác hại của thuốc lá về phương diện chính trị

D. Tác hại của thuốc lá về phương diện giáo dục

**Câu 9**. Em hãy nêu thông điệp của hình ảnh dưới đây?

**Câu 10**. Thể hiện cách ứng xử của em khi thấy những người thân (ông, bố, anh..) hút thuốc lá.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | C | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | D | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - HS nêu được thông điệp của hình ảnh: từ chối lời mời hút thuốc lá.  - Lí giải được lí do của lời từ chối: vì thuốc lá có rất nhiều tác hại đối với sức khỏe của con người. | 1,0 |
| 10 | - Nêu các cách ứng xử với người thân khi họ hút thuốc lá.  - Nêu tác hại nghiêm trọng về sức khỏe của người hút thuốc và với những người hút thuốc lá bị động. | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.* | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích | | 0,25 |
| *c.* giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích  **1. Mở bài**  HS có thể triển khai giới thiệu một cuốn sách mà em yêu thích theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  - Giới thiệu tác giả cuốn sách.  - Tại sao cuốn sách đó để lại ấn tượng ttoots đẹp trong em.  **2. Thân bài**  - Giới thiệu hình thức của cuốn sách  - Giới thiệu nội dung chính của cuốn sách  - Giới thiệu giá trị cuốn sách mang lại,  - Lí do yêu thích cuốn sách  + Cách giữ gìn và bảo quản sách.  **3. Kết bài**  - Cảm nghĩ tình cảm của em dành cho cuốn sách. | | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | | 0,5 |